

# Giải pháp nâng cao hiệu quả xã hội hóa dạy nghề ở Việt Nam

PHAN HUY ĐƯỜNG

*Tác giả làm rõ khái niệm xã hội hóa và xã hội hóa dạy nghề, khẳng định những lý do tất yếu phải thực hiện xã hội hóa dạy nghề trong nền kinh tế thị trường. Những thành tựu và hạn chế của công tác này cũng được nêu và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả xã hội hóa dạy nghề ở Việt Nam.*

Xã hội hóa (XHH) lĩnh vực dạy nghề là tất yếu khách quan trong nền kinh tế thị trường. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả XHH dạy nghề nhằm, một mặt, chia sẻ khó khăn tài chính giữa nhà nước và những khu vực cư dân có điều kiện; mặt khác, có được đội ngũ công nhân kỹ thuật về số lượng và chất lượng, đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp phát triển kinh tế nhanh, có tính bền vững của đất nước trong hội nhập kinh tế quốc tế. Những năm qua, thực hiện XHH dạy nghề, chúng ta đã thu được thành tựu nhất định. Tuy nhiên, thành tựu đó vừa khiêm tốn vừa chưa có độ bền vững của sự phát triển. Vậy nguyên nhân nào đã đưa đến hạn chế đó? Theo chúng tôi, có nhiều nguyên nhân, trong đó nổi cộm là vấn đề nhận thức và triển khai thực hiện. Do vậy, trong phạm vi bài này, trước hết đề cập đến quan niệm về XHH và XHH dạy nghề là như thế nào? Tại sao phải XHH dạy nghề trong nền kinh tế thị trường? Phân tích thành tựu và chỉ ra nguyên nhân hạn chế của quá trình thực hiện XHH dạy nghề ở Việt Nam, trên cơ sở đó đề xuất một số quan điểm và 5 giải pháp nhằm đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả XHH dạy nghề ở Việt Nam trong thời gian tới.

## 1. Xã hội hóa và xã hội hóa dạy nghề

Có nhiều cách tiếp cận khác nhau về XHH. Theo Tony Bilton, Kenvin Bonnett, Philip Jones, Ken Sheard, Michelle Stanworth và Andrew Webster (Nxb Khoa học xã hội, 1993) thì "XHH là quá trình quá độ mà theo

đó chúng ta có thể tiếp nhận được nền văn hóa của xã hội, trong đó chúng ta được sinh ra và trưởng thành - qua quá trình này, chúng ta đạt được những đặc trưng xã hội của bản thân, học được cách suy nghĩ và ứng xử được coi là thích hợp trong xã hội của chúng ta."

XHH là từ được các nhà xã hội học, tâm lý học và giáo dục học sử dụng, nhằm chỉ quá trình học tập văn hóa của một người và phong cách sống trong nền văn hóa đó. Clausen (1968) định nghĩa: XHH là khiến cho con người có tính xã hội, thích hợp với xã hội.

Từ điển American Heritage đã định nghĩa một cách tổng quát: XHH là một quá trình tương tác, nhờ đó một cá nhân đạt được sự nhận biết mình và các chuẩn tắc, giá trị, cách cư xử và các kỹ năng xã hội thích hợp với vị trí xã hội của mình.

Tại Việt Nam, chủ trương XHH một số lĩnh vực như y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao khiến chúng ta hiểu rằng XHH có nghĩa chung chung là đưa một ngành hoạt động nào đó vào xã hội, để cho quần chúng nhân dân, hoặc một nhóm, một doanh nghiệp tự lo liệu thực hiện, chịu trách nhiệm về quá trình hoạt động và về kết quả, đặc biệt là về tài chính. Trong ý nghĩa này, XHH là xóa bỏ dần sự bao cấp của nhà nước, chia xẻ gánh nặng cho nhà nước.

---

Phan Huy Đường, PGS.TS., Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Ngày 19-8-1999, Chính phủ có Nghị định số 73/1999/NĐ-CP về chính sách khuyến khích XHH đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao. Tiếp đó, ngày 18 - 4 - 2005, Chính phủ tiếp tục ra Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP về việc đẩy mạnh XHH các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục thể thao.

Theo các văn bản này, XHH được hiểu là vận động và tổ chức sự tham gia rộng rãi của nhân dân, của toàn xã hội vào sự phát triển các sự nghiệp đó, là xây dựng cộng đồng trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân đối với việc tạo lập và cải thiện môi trường kinh tế, xã hội lành mạnh và thuận lợi cho các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa. XHH là mở rộng các nguồn đầu tư, khai thác các tiềm năng về nhân lực, vật lực và tài lực trong xã hội. Phát huy và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của nhân dân, tạo điều kiện cho các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa phát triển nhanh hơn, có chất lượng cao hơn.

Từ những cách hiểu trên đây, có thể thấy: XHH là huy động mọi người trong xã hội tham gia vào một công việc nhất định vốn trước đây chỉ do nhà nước thực hiện hoặc đảm trách chủ yếu.

Cũng từ khái niệm này, ta có thể hiểu: XHH dạy nghề là huy động và tổ chức sự tham gia rộng rãi của nhân dân, của toàn xã hội vào sự phát triển dạy nghề, mở rộng các nguồn đầu tư, khai thác các tiềm năng về nhân lực, vật lực và tài lực trong xã hội cho phát triển dạy nghề.

## **2. Xã hội hóa dạy nghề là tất yếu trong nền kinh tế thị trường**

XHH dạy nghề là một tất yếu khách quan trong điều kiện hiện nay vì những lý do chủ yếu sau đây:

*Thứ nhất*, dạy nghề là hoạt động giáo dục đặc thù. Đầu tư phát triển dạy nghề là đầu tư cho phát triển, đầu tư cho con người, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của người học, không chỉ tác động đến lợi ích hoặc gây ra hậu quả trước mắt, mà còn đem lại lợi ích

hoặc gây ra hậu quả lâu dài. Đây là một lĩnh vực cần đầu tư lớn, gắn liền với hiệu quả xã hội, liên quan chặt chẽ với giải quyết việc làm và các chương trình kinh tế - xã hội khác. Trong điều kiện còn rất khó khăn về ngân sách, không thể chỉ dựa vào nguồn ngân sách nhà nước cho hoạt động dạy nghề, mà cần đa dạng hóa các nguồn đầu tư, nhằm huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế khác nhau trong xã hội, của cộng đồng và từng người dân tự giác, chủ động đầu tư vào hoạt động dạy nghề ở các mức độ và hình thức khác nhau.

*Thứ hai*, XHH trong lĩnh vực dạy nghề không chỉ huy động sự tham gia của xã hội vào phát triển sự nghiệp này, mà thông qua đó còn nâng cao trách nhiệm xã hội và vai trò của các cá nhân, doanh nghiệp đối với việc phát triển nguồn nhân lực của đất nước. Việc xã hội hóa dạy nghề cũng giúp giảm bớt gánh nặng và vai trò của nhà nước trong đầu tư phát triển dạy nghề để tập trung vào nhiệm vụ quản lý nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả của công tác này.

*Thứ ba*, hoạt động dạy nghề mang tính liên ngành và có quan hệ chặt chẽ giữa các địa phương và vùng lãnh thổ. Mọi hoạt động phát triển ở bất kỳ một lĩnh vực, một ngành nào đều tác động ở mức độ khác nhau tới dạy nghề. Đồng thời dạy nghề cũng mang tính tổng hợp thống nhất cao. Do vậy, cần tăng cường sự tham gia hiệu quả của các tổ chức xã hội và các bên liên quan khác vào công tác dạy nghề.

*Thứ tư*, quá trình đầu tư, đổi mới đào tạo nghề đã có nhiều dấu hiệu tích cực, nhưng vẫn chưa thoát khỏi những quan niệm và cách làm của cơ chế bao cấp, kế hoạch hóa tập trung, chưa xử lý tốt mối tương quan giữa qui mô, chất lượng và hiệu quả dạy nghề. Do vậy, cần tiếp tục đẩy mạnh XHH dạy nghề.

*Thứ năm*, với việc sử dụng ngày càng nhiều kỹ thuật, công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại, nhiều ngành nghề mới sẽ ra đời, đòi hỏi dạy nghề phải thường xuyên bổ

sung, cập nhật, hoàn thiện các chương trình dạy nghề hoặc xây dựng các chương trình dạy nghề mới để đào tạo đội ngũ lao động kỹ thuật trực tiếp làm việc với công nghệ mới đó. Thêm vào đó, ở trong nước, sức ép về lao động có trình độ và chất lượng cao sẽ tăng lên trong thời gian tới. Theo dự báo, từ nay đến năm 2020, sẽ tiếp tục có nhu cầu lớn về đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động khu vực nông nghiệp và nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa. Nếu không chuyển dịch cơ cấu lao động kịp thời sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tốc độ tăng trưởng kinh tế và công cuộc giảm nghèo. Những vấn đề lớn đó của dạy nghề, nhà nước không thể giải quyết nổi mà cần có sự tham gia của tất cả các cấp, ngành, thành phần trong xã hội.

### **3. Những thành tựu và hạn chế của xã hội hóa dạy nghề thời gian qua**

#### **3.1. Những kết quả đạt được**

*Về nhận thức:* sau khi có các văn bản nêu trên, nhận thức về XHH dạy nghề của các cấp, các ngành và xã hội bước đầu có chuyển biến tích cực. Nhà nước và xã hội đã quan tâm hơn đến phát triển sự nghiệp dạy nghề và XHH công tác này. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về dạy nghề được xây dựng, điều chỉnh và đổi mới; cơ chế, chính sách về các hoạt động đầu tư phát triển dạy nghề cũng ngày càng chặt chẽ. Đã ban hành hệ thống các văn bản quản lý tài chính, tài sản, quy định chặt chẽ về thu, chi, nhất là đối với các kinh phí từ ngân sách nhà nước, học phí đối với các cơ sở đào tạo nghề công lập. Những văn bản đó thể hiện nhận thức mới về XHH dạy nghề, góp phần tạo nên sự chuyển biến tích cực trong điều hành, chỉ đạo, tổ chức thực hiện ở các cấp, các ngành, các địa phương và các cơ sở dạy nghề. Các thành phần kinh tế, các tổ chức quần chúng, các doanh nghiệp và người dân đã được khuyến khích, tạo điều kiện tham gia phát triển dạy nghề. Các cơ chế, chính sách về tài chính như chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu; chính

sách đất đai; quy định về hợp tác đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực dạy nghề được ban hành đã tác động mạnh vào sự phát triển dạy nghề. Trong chỉ đạo, một số bộ, ngành, địa phương đã chủ động tổ chức thực hiện các chương trình dạy nghề cho nông dân, cho thanh niên dân tộc, cho bộ đội xuất ngũ...

*Về phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề:* từ khi có chủ trương XHH và sau khi có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới các cơ sở dạy nghề đến năm 2010, mạng lưới các cơ sở dạy nghề được đa dạng hóa với nhiều loại hình từ công lập, bán công, dân lập, tư thực và nhiều hình thức đào tạo (cao đẳng nghề, trung cấp nghề và sơ cấp nghề), đa dạng hóa hình thức dạy nghề (tại trường lớp, tại doanh nghiệp, tại làng nghề, thôn, bản...).

Đã hình thành có hệ thống dạy nghề trên phạm vi cả nước, bao gồm các trường công lập đào tạo chính quy dài hạn ở trung ương và địa phương, các trường dạy nghề trong các doanh nghiệp, các cơ sở dạy nghề ngắn hạn phi chính quy ở khắp địa phương, của các tổ chức, đoàn thể xã hội và cơ sở dạy nghề ngoài công lập, đầu tư nước ngoài... Hệ thống này đã đào tạo và đào tạo lại được một số đội ngũ công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ đang hoạt động có hiệu quả trong các ngành kinh tế quốc dân.

Theo số liệu của Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, đến cuối năm 2008, cả nước có 2052 cơ sở dạy nghề, tăng 2,37 lần so với năm 1998 (trong đó có 62 trường cao đẳng nghề, 235 trường trung cấp nghề); số trung tâm dạy nghề tăng 4,56 lần (từ 150 lên 684 trung tâm). Mỗi tỉnh có ít nhất một trường trung cấp nghề hoặc cao đẳng nghề; 50% số huyện đã có trung tâm dạy nghề. Xã hội hóa dạy nghề đã đạt kết quả bước đầu: năm 2008 có 15 trường cao đẳng nghề, 52 trường trung cấp nghề, 250 trung tâm dạy nghề tư thực, và hơn 1000 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ và các cơ sở giáo dục khác có dạy

nghề. Hệ thống và mạng lưới dạy nghề đã bắt đầu được đổi mới và phát triển, chuyển từ hệ thống dạy nghề trình độ thấp với hai cấp trình độ đào tạo sang hệ thống dạy nghề với ba cấp trình độ đào tạo: sơ cấp nghề, trung cấp nghề, cao đẳng nghề và cũng đã đa dạng về hình thức sở hữu và loại hình đào tạo. Trong mười năm qua (1998 - 2008), dạy nghề đã được phục hồi sau một thời gian dài suy giảm và có bước phát triển mới, cơ bản đáp ứng được nhu cầu về số lượng cho thị trường lao động, đồng thời chất lượng dạy nghề cũng có chuyển biến tích cực. Quy mô tuyển sinh học sinh học nghề tăng nhanh: từ 525,6 nghìn người năm 1998 lên 1.538 nghìn người năm 2008 (tăng 2,9 lần). Với một mạng lưới dạy nghề đã dần phủ khắp toàn quốc, giai đoạn 2001 - 2006 đã có 6,6 triệu người được đào tạo nghề (tăng bình quân hàng năm 6,5%), trong đó dạy nghề dài hạn đạt 1,14 triệu người, dạy nghề ngắn hạn đạt 5,46 triệu người. Năm 2007, cả nước tuyển sinh được 1.436.500 người, trong đó trung cấp nghề là 151.000 và cao đẳng nghề là 29.500 người. Quy mô dạy nghề trong những năm qua tăng nhanh, đã nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề từ 13,4% năm 2001 lên khoảng 24% năm 2007, góp phần thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động.

*Về nguồn lực đầu tư cho dạy nghề:* đã huy động được nhiều nguồn vốn đầu tư (nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các doanh nghiệp tư nhân, vốn đầu tư nước ngoài, hợp tác quốc tế...), trong đó nguồn vốn nhà nước tiếp tục giữ vững vai trò nòng cốt trong đầu tư phát triển dạy nghề. Cơ chế thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư cho đào tạo nghề bước đầu phát huy tác dụng. Việc huy động vốn ngoài ngân sách cho dạy nghề bước đầu phát huy tác dụng, chuyển biến theo hướng tích cực, tăng về giá trị tuyệt đối, chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong tổng vốn đầu tư (giai đoạn 1998 - 2003, vốn ngân sách nhà nước đầu tư cho đào tạo nghề chiếm 65%, còn lại vốn

ngoài ngân sách chiếm 35%, đến năm 2005, tỷ lệ này là 54% và 46%).

Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho đào tạo nghề tăng lên hàng năm, việc giao cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và phân bổ ngân sách nhà nước chi cho đào tạo nghề đã giúp công tác dạy nghề có nguồn vốn rõ ràng, được nhận và phân bổ trực tiếp.

Vai trò của Nhà nước trong đầu tư, tạo động lực cho phát triển đào tạo nghề có sự thay đổi theo hướng tích cực cả về quy mô và cơ cấu đầu tư. Về quy mô đầu tư, nguồn vốn từ nhà nước cấp cho đào tạo nghề từ năm 1999 đến hết năm 2006 tăng đáng kể, trung bình năm sau cao hơn năm trước 20%, giữ vững tỷ trọng vốn đầu tư của Nhà nước trên 50% tổng vốn đầu tư. Cơ cấu đầu tư có chuyển biến tích cực, tỷ trọng chi chương trình mục tiêu, chi đầu tư xây dựng cơ bản (chi đầu tư phát triển) trong tổng chi ngân sách cho đào tạo nghề lớn, thường chiếm trên 50%, riêng năm 2005 chiếm 61%.

Đầu tư cho dạy nghề cũng ngày càng tăng, trong đó Nhà nước đóng vai trò chủ đạo. Nguồn lực đầu tư cho dạy nghề đã bước đầu phát triển theo xu hướng xã hội hóa, cơ cấu nguồn tài chính giai đoạn 2001 - 2006 là: 63% từ ngân sách nhà nước, 21% từ người học nghề, 3% từ cơ sở dạy nghề, 10% từ doanh nghiệp và 3% từ đầu tư nước ngoài. Khoảng 90% chi phí thường xuyên cho dạy nghề ngắn hạn do người học nghề đóng góp.

Ngân sách nhà nước chi cho dạy nghề trong tổng chi ngân sách cho giáo dục và đào tạo đã được tăng dần hàng năm, từ 4,7% năm 2000 lên khoảng 6,5% năm 2006. Trong 6 năm (2001 - 2006), ngân sách trung ương bố trí cho Dự án "Tăng cường năng lực đào tạo nghề" thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục - đào tạo là 1.370 tỷ đồng (tăng từ 55 tỷ đồng năm 2001 lên 500 tỷ đồng năm 2006). Các tỉnh, các tổng công ty nhà nước, các doanh nghiệp đã đầu tư hàng trăm tỷ đồng cho các cơ sở dạy nghề để thực hiện mục tiêu của chương trình.

Thực hiện chủ trương XHH dạy nghề, đã huy động được nguồn lực và trách nhiệm của cộng đồng tham gia hoạt động dạy nghề với nhiều hình thức. Nhiều doanh nghiệp, cá nhân đã liên kết, đầu tư xây dựng cơ sở dạy nghề với thiết bị hiện đại, tham gia xây dựng chương trình, giáo trình dạy nghề sát với yêu cầu của sản xuất; đã có nhiều dự án trong và ngoài nước trực tiếp đầu tư xây dựng chương trình, đào tạo giáo viên và cán bộ. Đã xuất hiện một số mô hình mới có hiệu quả về tổ chức dạy nghề như dạy nghề lưu động cho nông dân vùng chuyển đổi cơ cấu kinh tế và chuyển đổi mục đích sử dụng đất, dạy nghề cho thanh niên dân tộc thiểu số, dạy nghề cho bộ đội xuất ngũ... tại hầu khắp các địa phương trong cả nước.

*Về hiệu quả dạy nghề:* bước đầu, các cơ sở dạy nghề đã mở thêm được nhiều nghề đào tạo mới mà thị trường lao động có nhu cầu. Điều tra thị trường lao động của Tổng cục Dạy nghề (Bộ LĐ-TB&XH) tại gần 3.000 doanh nghiệp gần đây cũng cho kết quả, đa số lao động qua đào tạo nghề đang làm việc trong các doanh nghiệp đã được sử dụng có hiệu quả; đa số lao động qua đào tạo nghề được các doanh nghiệp sử dụng phù hợp với trình độ được đào tạo của họ (khoảng 85% so với số lao động qua đào tạo nghề đang làm việc tại doanh nghiệp, nghĩa là chiếm khoảng 70% so với số học sinh học nghề tốt nghiệp).

### 3.2. Một số hạn chế và nguyên nhân

#### 3.2.1. Hạn chế

Mặc dù XHH dạy nghề đã đạt được nhiều kết quả bước đầu, nhưng trong quá trình thực hiện, vẫn còn bộc lộ một số khó khăn và hạn chế sau đây:

- Tốc độ XHH chậm so với tiềm năng của xã hội và chỉ tiêu đề ra; mức độ phát triển XHH không đồng đều giữa các vùng, miền, địa phương. Các cơ sở dạy nghề ngoài công lập khá nhỏ bé, cơ sở vật chất, trang thiết bị học nghề và dạy nghề còn đơn sơ và nghèo nàn, đội ngũ cán bộ, giáo viên thiếu

về số lượng, hạn chế cả về trình độ kỹ thuật và nghiệp vụ sư phạm. Chất lượng và hiệu quả hoạt động chưa cao. Các cơ sở dạy nghề công lập vẫn áp dụng cơ chế quản lý như cơ quan hành chính, nên đã không phát huy được tính năng động, tự chủ và tự chịu trách nhiệm. Phương pháp đào tạo còn lạc hậu, cũ kỹ, nặng về lý thuyết, chưa chú trọng thực hành; phương tiện, trang thiết bị dạy nghề còn thô sơ, chưa được đầu tư đúng mức và theo kịp thực tế sản xuất. Do vậy một bộ phận không nhỏ người lao động sau khi được đào tạo nghề chưa thích ứng được yêu cầu của thị trường lao động, kỹ năng nghề nghiệp rất hạn chế, chưa bắt tay ngay vào công việc được. Khi người lao động được tuyển dụng, nhiều doanh nghiệp phải tiến hành đào tạo lại cho phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh và công nghệ của doanh nghiệp.

- Công tác quản lý, triển khai còn chậm và lúng túng, thiếu sự phối, kết hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành và địa phương. Các lực lượng xã hội chưa được tổ chức và phối hợp tốt để chủ động tích cực tham gia vào quá trình xã hội hóa.

- Một số cơ chế, chính sách chậm đổi mới, thiếu đồng bộ, chưa phát huy tác dụng trong cuộc sống, chưa phù hợp với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhất là chính sách về đất đai, tín dụng, học phí, học bổng.

- Chưa huy động tốt khả năng tham gia, phối hợp với doanh nghiệp trong đào tạo nghề. Đơn cử như tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có riêng một trường đào tạo lao động cho các khu công nghiệp - khu chế xuất, nhưng trong nhiều năm liên vẫn không kết nối được nhu cầu của các doanh nghiệp trong khu vực. Cần Thơ là trung tâm kinh tế lớn nhất đồng bằng sông Cửu Long nhưng chỉ có duy nhất Trường Cao đẳng nghề Cần Thơ được đầu tư hoàn chỉnh. Nhiều tỉnh khác trong khu vực như Đồng Tháp, Hậu Giang, Vĩnh Long... cũng đang trong tình trạng này.

Sự tham gia của các doanh nghiệp vào hệ thống dạy nghề còn chưa tương xứng. Tính đến cuối năm 2006, cả nước chỉ có 143 cơ sở dạy nghề thuộc các doanh nghiệp. So với con số 234.000 doanh nghiệp hiện tại và trong chương trình phát triển 500.000 doanh nghiệp đến năm 2010 thì số lượng doanh nghiệp tham gia dạy nghề còn quá ít.

### 3.2.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân của những hạn chế trước hết là do nhận thức của các cấp, các ngành về XHH dạy nghề chưa đầy đủ, xem XHH chỉ là biện pháp huy động sự đóng góp của nhân dân trong điều kiện ngân sách nhà nước còn hạn hẹp, chưa coi dạy nghề là lĩnh vực ưu tiên trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực, nên chưa có sự quan tâm đầy đủ; tư tưởng coi dạy nghề đơn thuần là một phúc lợi do Nhà nước đầu tư, trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước chưa được khắc phục.

- Trong chính sách XHH, chưa quy định rành mạch về sở hữu của các cơ sở dạy nghề ngoài công lập; chưa phân định rõ sự khác biệt giữa các hoạt động có bản chất lợi nhuận và phi lợi nhuận trong các cơ sở dạy nghề, giữa phúc lợi cho người dân và việc bao cấp cho các cơ sở công lập.

- Đầu tư cho dạy nghề lớn nhưng khả năng thu hồi vốn chậm nên chưa hấp dẫn các nhà đầu tư, việc huy động nguồn lực còn hạn chế, việc quản lý và sử dụng nguồn lực chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

- Niềm tin và sự ủng hộ đối với các cơ sở dạy nghề ngoài công lập còn hạn chế trên nhiều mặt: cả đầu vào (chất lượng tuyển sinh), quá trình đào tạo (còn thiếu các điều kiện để đảm bảo ổn định và nâng cao chất lượng dạy và học) và đầu ra (chính sách tuyển dụng của người sử dụng lao động).

## 4. Giải pháp nâng cao hiệu quả xã hội hóa dạy nghề ở Việt Nam

### 4.1. Quan điểm

- XHH dạy nghề nhằm phát huy tiềm năng trí tuệ và vật chất trong nhân dân, xây dựng cộng đồng trách nhiệm của toàn xã hội

chăm lo sự nghiệp dạy nghề. Nhà nước tạo cơ hội bình đẳng để mọi thành phần kinh tế và mọi người dân tham gia dạy nghề. Phát huy và khuyến khích tối đa sự tham gia của người dân, của xã hội vào phát triển dạy nghề theo hướng: lĩnh vực nào nhân dân làm được thì Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân làm.

- Tạo điều kiện để toàn xã hội, mọi người dân có cơ hội để học tập nghề nghiệp suốt đời và được thụ hưởng các thành quả dạy nghề ở mức độ ngày càng cao, đặc biệt là các đối tượng chính sách, người nghèo, con em đồng bào dân tộc thiểu số.

- Nhà nước tiếp tục tăng tỷ lệ chi ngân sách cho sự nghiệp phát triển dạy nghề. Ưu tiên đầu tư vào những ngành, nghề mũi nhọn, trọng điểm đòi hỏi kỹ thuật và công nghệ cao, những nghề đào tạo khó huy động nguồn lực từ xã hội; ưu tiên đầu tư cho những vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc ít người.

- Xã hội hóa phải có bước đi thích hợp đối với từng vùng (đẩy mạnh XHH dạy nghề tại các thành phố, đô thị, vùng kinh tế động lực, các khu công nghiệp tập trung), trong từng lĩnh vực (phát triển mạnh XHH đối với các nghề đào tạo ngắn hạn, nghề truyền thống các lĩnh vực dịch vụ), bảo đảm tính hệ thống trong đào tạo nguồn nhân lực và hội nhập quốc tế.

- Nhà nước tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra việc thực hiện luật pháp; phát huy vai trò của các đoàn thể, tổ chức quần chúng, các hội nghề nghiệp trong việc giám sát các hoạt động dạy nghề. Nhà nước tạo môi trường phát triển, môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng theo pháp luật giữa các cơ sở công lập và ngoài công lập. Mỗi cơ sở ngoài công lập đều có thể hoạt động theo cơ chế phi lợi nhuận hoặc theo cơ chế lợi nhuận theo quy định của pháp luật.

### 4.2. Mục tiêu phát triển XHH dạy nghề và định hướng đến 2020

Đề án đổi mới và phát triển dạy nghề giai đoạn 2009 - 2015, định hướng đến 2020

đang được Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hoàn thiện để trình Chính phủ phê duyệt đã xác định: phát triển dạy nghề đảm bảo đồng bộ, có trọng điểm nhằm chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng cao vào năm 2020. Cụ thể là:

- *Giai đoạn 2009 - 2020*: dạy nghề cho 24,58 triệu người, trong đó đào tạo trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề và kỹ sư thực hành là 5,815 triệu người, để bảo đảm vào năm 2020, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 55%. Đào tạo nghiệp vụ sư phạm dạy nghề và kỹ năng nghề cho 40.000 người để thành giáo viên dạy nghề; vào năm 2020, 100% giáo viên dạy nghề có thể dạy tích hợp lý thuyết và thực hành, 40% giáo viên dạy cao đẳng nghề có trình độ thạc sỹ và tiến sỹ; và tỷ lệ giáo viên quy đổi/học sinh, sinh viên quy đổi ở các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề là 1/15.

- Năm 2010, cả nước có 270 trường trung cấp nghề, 90 trường cao đẳng nghề (trong đó 50 trường cao đẳng nghề đạt chuẩn, 3 trường tiếp cận với trình độ tiên tiến trong khu vực); 750 trung tâm dạy nghề (mỗi quận, huyện có ít nhất 1 trung tâm dạy nghề; một số quận, huyện hoặc cụm quận, huyện có trường trung cấp nghề).

- *Đến năm 2020*: có 230 trường cao đẳng nghề và 310 trường trung cấp nghề, trong đó: 10 trường cao đẳng nghề đạt trình độ tiên tiến của thế giới; 20 trường cao đẳng nghề đạt trình độ tiên tiến của khu vực; 120 trường trung cấp nghề và cao đẳng nghề trọng điểm quốc gia. Có 100% trường trung cấp nghề, cao đẳng nghề được ban hành khung chương trình, trong đó có 83 chương trình đào tạo được xây dựng theo tiêu chuẩn kỹ năng nghề hoặc theo tiêu chuẩn năng lực thực hiện của các nước tiên tiến và 40 chương trình, giáo trình đào tạo kỹ sư thực hành. Có 90% trường trung cấp nghề, cao đẳng nghề, 70% trung tâm dạy nghề và 70% chương trình dạy nghề được kiểm định chất lượng. Ban hành 400 bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, biên soạn đề thi đánh giá kỹ

năng nghề quốc gia cho 400 nghề; tổ chức đánh giá và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho 6 triệu người lao động.

### **4.3. Các giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả xã hội hóa dạy nghề ở Việt Nam**

Để đạt được các mục tiêu và định hướng phát triển XHH dạy nghề, cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó tập trung vào một số giải pháp chủ yếu sau:

*Thứ nhất, tổ chức tuyên truyền, nghiên cứu lý luận, nâng cao nhận thức về XHH dạy nghề*

- Phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước các cấp về dạy nghề với các cơ quan thông tin đại chúng, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp và các cơ sở dạy nghề tuyên truyền sâu rộng chủ trương, chính sách về XHH dạy nghề để các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các đơn vị công lập, ngoài công lập và nhân dân có nhận thức đúng, đầy đủ, thực hiện có hiệu quả chủ trương XHH trong lĩnh vực dạy nghề.

- Trên cơ sở tổng kết đánh giá thực tiễn hoạt động dạy nghề để làm rõ về sở hữu, về tính chất hoạt động lợi nhuận và hoạt động phi lợi nhuận trong hoạt động dạy nghề.

*Thứ hai, tiếp tục đổi mới chính sách và cơ chế quản lý.*

- Tiếp tục hoàn thiện các quy định về mô hình, quy chế hoạt động của các cơ sở dạy nghề ngoài công lập, quy định chế độ tài chính và trách nhiệm của các cơ sở dạy nghề hoạt động theo cơ chế phi lợi nhuận và áp dụng cơ chế doanh nghiệp đối với các cơ sở hoạt động theo cơ chế lợi nhuận. Quy định điều kiện, thủ tục chuyển từ loại hình công lập sang các loại hình ngoài công lập, thủ tục cổ phần hóa các cơ sở dạy nghề thuộc doanh nghiệp nhà nước.

- Thực hiện đơn giản các thủ tục hành chính trong việc thành lập các cơ sở dạy nghề ngoài công lập trên cơ sở quy định chặt chẽ, hướng dẫn chi tiết điều kiện thành lập, điều kiện đăng ký hoạt động và thực hiện cơ chế hậu kiểm.

- Xây dựng và ban hành các chuẩn đánh giá chất lượng, hệ thống kiểm tra, đánh giá và cấp văn bằng chứng chỉ nghề.

- Đổi mới chính sách tài chính, tăng hiệu quả đầu tư từ ngân sách theo hướng đầu tư có trọng điểm. Ưu tiên nguồn vốn ODA đầu tư cho dạy nghề, nhất là đầu tư vào các trường cao đẳng nghề, đại học công nghệ thực hành chất lượng cao để đổi mới trang thiết bị.

- Chuyển cơ chế hoạt động của các cơ sở dạy nghề công lập sang cơ chế cung ứng dịch vụ: xây dựng quy chế chuyển các cơ sở dạy nghề đang hoạt động theo cơ chế sự nghiệp mang nặng tính hành chính bao cấp sang cơ chế tự chủ, cung ứng dịch vụ công ích, không bao cấp tràn lan và không nhằm lợi nhuận, có đầy đủ quyền tự chủ về tổ chức và quản lý, thực hiện đúng mục tiêu và nhiệm vụ, hạch toán đầy đủ chi phí, cân đối thu chi.

- Đổi mới cơ chế sử dụng ngân sách nhà nước dành cho dạy nghề:

+ Nghiên cứu xây dựng và từng bước thực hiện chính sách đấu thầu chỉ tiêu đào tạo do Nhà nước đặt hàng; khuyến khích các cơ sở dạy nghề thuộc mọi thành phần kinh tế nếu có đủ điều kiện, được bình đẳng tham gia đấu thầu. Tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư, các cơ sở dạy nghề có uy tín trên thế giới mở cơ sở dạy nghề tại Việt Nam, hoặc liên kết đào tạo với các cơ sở dạy nghề Việt Nam nhằm chuyển giao kỹ thuật công nghệ mới về dạy nghề.

+ Xây dựng và ban hành các chính sách để khuyến khích, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi để các tổng công ty, các công ty, các doanh nghiệp lớn, các khu công nghiệp, khu chế xuất thành lập cơ sở đào tạo nghề; hình thành quỹ đào tạo nghề tại doanh nghiệp. Phối hợp với các doanh nghiệp chuyển giao và khai thác các thiết bị của các doanh nghiệp trong quá trình đổi mới công nghệ nhằm huy động được năng lực, khai thác được sự nhạy bén và quá trình đổi mới không ngừng của doanh nghiệp

trong cạnh tranh phát triển, tạo ra sự tương thích hơn giữa đào tạo và sử dụng.

- Cải tiến chính sách huy động vốn, tín dụng và thuế:

+ Trên cơ sở bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách nhà nước đầu tư cho dạy nghề, có chính sách và biện pháp huy động sự đóng góp từ phía người sử dụng lao động thông qua việc thành lập *Quỹ Hỗ trợ học nghề* do các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp đóng góp.

+ Ban hành quy định về việc các cơ sở dạy nghề ngoài công lập hợp tác, liên kết với địa phương, doanh nghiệp, cá nhân trong việc xây dựng cơ sở vật chất và việc huy động vốn của các cơ sở này.

+ Xây dựng chính sách bảo đảm lợi ích chính đáng, hợp pháp của các cá nhân, tập thể tham gia xã hội hóa; chính sách ưu đãi tín dụng từ Quỹ Hỗ trợ phát triển của Nhà nước; có chính sách ưu đãi thuế đối với các cơ sở dạy nghề ngoài công lập, nhất là với các cơ sở hoạt động theo cơ chế phi lợi nhuận.

+ Có chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân người nước ngoài và người Việt sống ở nước ngoài đầu tư mở trường dạy nghề tại Việt Nam.

+ Đẩy mạnh hợp tác quốc tế để đầu tư và hỗ trợ kỹ thuật cho dạy nghề. Xây dựng các dự án hợp tác với một số nước phát triển và với các tổ chức quốc tế nhằm huy động thêm nguồn lực và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị. Trước mắt, tiếp tục triển khai có hiệu quả Dự án Giáo dục kỹ thuật và dạy nghề, dự án hợp tác với Thụy Sĩ, Nhật Bản,... triển khai các dự án mới với CHLB Đức, Hàn Quốc, Áo...

- Đổi mới chính sách đất đai và nhân lực cho dạy nghề:

+ Các địa phương trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội cũng như quy hoạch phát triển dạy nghề, phải có kế hoạch bố trí và ưu tiên tạo điều kiện về đất đai để xây

dựng các cơ sở dạy nghề trên địa bàn ở những vị trí thuận lợi, phù hợp với yêu cầu phát triển của địa phương.

+ Thực hiện việc miễn tiền sử dụng đất, thuê đất cho các cơ sở ngoài công lập hoạt động theo cơ chế phi lợi nhuận. Công khai hóa, đơn giản hóa thủ tục giao đất, cho thuê đất.

+ Ban hành chính sách đối với cán bộ giáo viên và cán bộ, viên chức nhà nước tham gia hành nghề trong các cơ sở dạy nghề ngoài công lập; quy định trách nhiệm của các cơ sở dạy nghề ngoài công lập, bảo đảm chất lượng và số lượng cán bộ, giáo viên cơ hữu, cán bộ, giáo viên kiêm nhiệm phù hợp với quy mô và ngành nghề đào tạo, bảo đảm chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, viên chức.

+ Nhà nước có chính sách hỗ trợ việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên của các cơ sở dạy nghề ngoài công lập, chính sách hỗ trợ các đơn vị này tự đào tạo phát triển nhân lực, kể cả đào tạo ở nước ngoài và thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà quản lý nước ngoài đến làm việc tại Việt Nam.

*Thứ ba, quy hoạch phát triển XHH dạy nghề.*

- Mở rộng, nâng cao năng lực của các trường, trung tâm dạy nghề hiện có; xây dựng mới một số trường, trung tâm dạy nghề cả công lập và ngoài công lập. Đa dạng hóa hình thức đào tạo, bao gồm đào tạo dài hạn, ngắn hạn, kèm cặp, truyền nghề, đào tạo lại, đào tạo bổ sung; đào tạo tại chỗ, đào tạo lưu động, đào tạo từ xa. Thực hiện tốt chính sách dạy nghề cho bộ đội xuất ngũ, cho lao động nông thôn, cho thanh niên đồng bào dân tộc thiểu số và các đối tượng ở vùng khó khăn khác.

- Tiếp tục đẩy mạnh thành lập mới các trường và trung tâm dạy nghề dân lập, tư thực. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân mở các cơ sở dạy nghề, các lớp dạy nghề tại các

làng nghề, phố nghề; phát triển mạnh cơ sở dạy nghề trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, trong các khu công nghiệp, khu chế xuất.

- Thí điểm cổ phần hóa các cơ sở dạy nghề công lập, đến năm 2010 chuyển 20% các trường trung cấp nghề, cao đẳng nghề công lập sang loại hình tư thực; có 70% tổng số học sinh nghề ngoài công lập, trong đó có khoảng 20% có học sinh trung cấp nghề, cao đẳng nghề.

Đến năm 2020 triển khai rộng rãi cổ phần hóa cơ sở dạy nghề, chuyển 60% các trường trung cấp nghề công lập sang loại hình tư thực; có 85% tổng số học sinh học nghề ngoài công lập, trong đó có khoảng 50% học sinh trung cấp nghề, cao đẳng nghề và đại học công nghệ thực hành.

- Khuyến khích việc hợp tác, liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo có chất lượng cao của nước ngoài; khuyến khích mở các cơ sở dạy nghề chất lượng cao, có uy tín bằng 100% vốn nước ngoài. Có chính sách để các cơ sở dạy nghề ngoài công lập được thu hút vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để phát triển.

- Nhà nước có chương trình hỗ trợ để xây dựng và phát triển một số cơ sở dạy nghề ở những tỉnh miền núi, một số tỉnh khó khăn và thực hiện thí điểm đầu tư xây dựng một số cơ sở dạy nghề cho các cá nhân, tổ chức thuê với giá ưu đãi nhằm hỗ trợ quá trình XHH, trước hết là ở những nơi kinh tế chưa phát triển.

- Nâng cao chất lượng dạy nghề:

+ Tiếp tục phát triển chương trình giảng dạy theo mô đun và đưa chương trình, giáo trình cải tiến vào giảng dạy tại các cơ sở dạy nghề ngoài công lập.

+ Xây dựng đội ngũ giáo viên dạy nghề đủ về số lượng, phù hợp về cơ cấu ngành nghề đào tạo, đảm bảo chất lượng, có khả năng tiếp thu và ứng dụng khoa học và công nghệ mới.

+ Có chính sách huy động giáo viên là các nghệ nhân, các thợ lành nghề bậc cao từ các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp, các làng nghề, nhất là đối với giáo viên dạy thực hành vào giảng dạy tại các cơ sở dạy nghề ngoài công lập.

+ Xây dựng hệ thống trường sư phạm kỹ thuật đào tạo giáo viên dạy nghề cho toàn ngành, các trường đào tạo giáo viên cũng đồng thời là các trường trọng điểm quốc gia, nhằm đáp ứng nhu cầu về lực lượng giáo viên cho hệ thống, kể cả các cơ sở dạy nghề ngoài công lập.

*Thứ tư, tiếp tục đổi mới cơ bản chế độ học phí, lệ phí và trợ cấp xã hội* theo hướng, ngoài phần hỗ trợ của Nhà nước theo khả năng ngân sách, học phí cần bảo đảm trang trải chi phí cần thiết cho giảng dạy, học tập và có tích lũy đầu tư phát triển cơ sở; bước đầu đủ bù đắp chi phí đào tạo. Sửa đổi chế độ học phí đi đôi với đổi mới cơ chế tài chính về dạy nghề theo hướng: xác định đầy đủ chi phí dạy nghề, chia sẻ hợp lý trách nhiệm chi trả giữa Nhà nước, người sử dụng lao động, xã hội và người học nghề; thực hiện miễn, giảm học phí và cấp học bổng cho học sinh nghèo, học sinh thuộc diện chính sách và học sinh giỏi; xóa bỏ mọi khoản thu ngoài học phí. Nhà nước có chính sách trợ cấp học phí hoặc học bổng cho học sinh là đối tượng chính sách, những người ở vùng khó khăn, những người nghèo và những người học xuất sắc, không phân biệt học trong hay ngoài công lập.

*Thứ năm, tăng cường quản lý nhà nước về XHH dạy nghề.*

- Hoàn chỉnh hệ thống văn bản pháp luật và các cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa dạy nghề.

- Nhà nước thống nhất quản lý nhà nước đối với các cơ sở dạy nghề theo phân cấp quản lý, gắn phân cấp nhiệm vụ dạy nghề với phân cấp quản lý tài chính, tổ chức nhân sự và đảm bảo các điều kiện vật chất khác. Tạo điều kiện cho các cơ sở dạy nghề thuộc mọi thành phần kinh tế thực hiện đầy đủ quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của mình.

- Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, quy định chế độ và trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của các cấp, đồng thời phát huy dân chủ ở cơ sở để giám sát công việc quản lý của các cấp.

- Thực hiện kiểm định chất lượng dạy nghề; kiểm tra, đánh giá và cấp văn bằng chứng chỉ nghề./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dự thảo Đề án Đổi mới và phát triển dạy nghề đến năm 2020
  2. TS.Đàm Hữu Đắc, Đổi mới đào tạo dạy nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho đất nước, *Tạp chí Cộng sản* điện tử ngày 11-5-2008.
  3. Nghị định số 73/1999/NĐ-CP của Chính phủ.
  4. Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP.
  5. Quyết định số 1000/2005/QĐ-BLĐTBXH.
  6. Tăng tốc xã hội hóa lĩnh vực dạy nghề - *Báo Giao thông vận tải* ngày 20-7-2007.
- Tony Bilton, Kenvin Bonnett, Philip Jones, Ken Sheard, Michelle Stanworth và Andrew Webster - *Nhập môn học* (Người dịch: Phạm Thủy Ba), Nxb Khoa học xã hội, 1993.